

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thế Hà và Bà Huỳnh Thị Yển.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 122/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn 01, xã G, huyện TL, tỉnh BT;

2. Bị đơn: Anh Võ C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn 01, xã G, huyện TL, tỉnh BT;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Võ T, sinh ngày 12/7/2007; Nơi cư trú: Thôn 01, xã G, huyện TL, tỉnh BT;

Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Hoàng A (có đơn xin xét xử vắng mặt); Vắng mặt anh Võ C; Vắng mặt cháu Võ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh C sau thời gian yêu thương tìm hiểu nhau thì tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

G, huyện TL vào ngày 27/12/2002. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên thời gian gần đây hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, có nhiều bất đồng về quan điểm lối sống, anh C thường xuyên không tôn trọng chị A, vợ chồng thường mâu thuẫn về chuyện làm ăn, mâu thuẫn hai vợ chồng thường xuyên trầm trọng, kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Hoàng A và anh Võ C có 05 người con chung tên Võ Hồng H1, sinh năm 1997; Võ Hồng C, sinh năm 2000; Võ Hồng V, sinh năm 2002; Võ Hồng H2, sinh ngày 20/3/2004; Võ T, sinh ngày 12/7/2007. Hiện nay các cháu Võ Hồng H1, Võ Hồng C, Võ Hồng V, Võ Hồng H2 đã thành niên nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với cháu Võ T, sinh ngày 12/7/2007. Chị A đề nghị Tòa án giải quyết giao người con chung tên Võ T cho chị Anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị A không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị A.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh C phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT để trình bày ý kiến, trình bày lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh C cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai của bị đơn.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Võ T trình bày:

Cháu tên Võ T hiện nay ba mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện TL, cháu T có nguyện vọng được chung sống cùng với mẹ vì mẹ là người yêu thương, chăm sóc cháu T nhiều hơn.

Tòa án đã mở phiên hòa giải vào ngày 06/5/2022 để các đương sự hòa giải đoàn tụ với nhau; Tại phiên hòa giải vắng mặt anh C nên không thể tiến hành hòa giải được, sau đó chị A đã có đơn từ chối hòa giải, đề nghị xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh BT phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Võ T, sinh ngày 12/7/2007 cho chị A được quyền nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Hoàng A yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn 01, xã G, huyện TL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn xin từ chối hòa giải nên theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hoàng A và anh Võ C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện TL, tỉnh BT nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù chị A và anh C đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, đến nay chị A yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A là phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị A đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là cháu Võ T, sinh ngày 12/7/2007 cho chị Anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng cho đến khi con thành niên. Chị A không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị A.

Xét thấy: Hiện nay cháu T đang sống cùng chị A, cháu T có nguyện vọng được chung sống cùng chị A nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi; anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị A. Anh C không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hoàng A; Chị Nguyễn Hoàng A được ly hôn với anh Võ C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hoàng A được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Võ T, sinh ngày 12/7/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Võ C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nguyễn Hoàng A.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Hoàng A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007828 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Chị Nguyễn Hoàng A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND tỉnh BT;
- VKSND huyện TL;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã G, huyện TL, tỉnh BT (thay thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Bình